TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TẠM TÍNH TỔNG THU NHẬP NĂM 2019

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2019 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
1	HL-00280	Nguyễn Hưng Hoài	KT3-KC	221.341.683	20.121.971	241.463.654	14.000.000	4.800.000	**21.688.638**
2	HL-00351	Nguyễn Đình Ca	KT3-KC	218.742.092	19.885.645	238.627.737	14.000.000	5.100.000	**21.477.311**
3	HL-00363	Nguyễn Văn Huy	KT3-KC	278.871.511	25.351.956	304.223.467	14.000.000	7.153.825	**27.114.774**
4	HL-00384	Hà Thị Lan Anh	KT3-KC	50.572.883	4.597.535	55.170.418	13.000.000	8.448.000	**6.384.868**
5	HL-00424	Hán Văn Chính	KT3-KC	259.576.220	23.597.838	283.174.058	14.000.000	8.996.472	**25.514.211**
6	HL-00467	Bùi Văn Nam	KT3-KC	280.181.478	25.471.043	305.652.521	14.000.000	8.200.000	**27.321.043**
7	HL-00491	Nguyễn Thị Hạnh	KT3-KC	64.763.681	5.887.607	70.651.288	13.000.000	5.887.000	**7.461.524**
8	HL-00527	Lê Văn Sửu	KT3-KC	268.602.279	24.418.389	293.020.668	14.000.000	7.753.092	**26.231.147**
9	HL-00552	Nguyễn Ngọc Doãn	KT3-KC	198.476.296	18.043.300	216.519.596	14.000.000	2.700.000	**19.434.966**
10	HL-00764	Lê Trọng Luân	KT3-KC	172.691.345	15.699.213	188.390.558	14.000.000	9.650.000	**17.670.047**
11	HL-00767	Nguyễn Ngọc Quang	KT3-KC	163.058.617	14.823.511	177.882.128	14.000.000	5.500.000	**16.448.511**
12	HL-00808	Đoàn Hữu Đảng	KT3-KC	246.469.897	22.406.354	268.876.251	14.000.000	34.500.000	**26.448.021**
13	HL-00911	Nguyễn Quang San	KT3-KC	254.624.723	23.147.702	277.772.425	14.000.000	6.400.000	**24.847.702**
14	HL-00918	Trần Đình Tiến	KT3-KC	226.867.461	20.624.315	247.491.776	14.000.000	2.500.000	**21.999.315**
15	HL-01018	Vũ Hồng Sửu	KT3-KC	170.442.317	15.494.756	185.937.073	14.000.000	2.500.000	**16.869.756**
16	HL-01083	Trần Văn Nga	KT3-KC	237.885.014	21.625.910	259.510.924	13.500.000	5.900.000	**23.242.577**
17	HL-01165	Bùi Văn Học	KT3-KC	188.919.200	17.174.473	206.093.673	14.000.000	4.700.000	**18.732.806**
18	HL-01171	Vũ Văn Tuấn	KT3-KC	206.862.173	18.805.652	225.667.825	14.000.000	3.000.000	**20.222.319**
19	HL-01177	Đoàn Văn Hoạt	KT3-KC	249.558.937	22.687.176	272.246.113	14.000.000	5.400.000	**24.303.843**
20	HL-01293	Trần Văn Thái	KT3-KC	205.372.309	18.670.210	224.042.519	14.000.000	3.800.000	**20.153.543**
21	HL-01327	Mai Văn Đức	KT3-KC	249.777.254	22.707.023	272.484.277	14.000.000	5.400.000	**24.323.690**
22	HL-01328	Lê Xuân Quỳnh	KT3-KC	229.112.265	20.828.388	249.940.653	13.500.000	4.600.000	**22.336.721**
23	HL-01397	Lê Duy Dũng	KT3-KC	184.562.975	16.778.452	201.341.427	14.000.000	3.300.000	**18.220.119**
24	HL-01419	Lường Huy Tới	KT3-KC	235.801.546	21.436.504	257.238.050	14.000.000	5.000.000	**23.019.838**
25	HL-01429	Vũ Văn Pha Bình	KT3-KC	251.794.308	22.890.392	274.684.700	14.000.000	37.100.000	**27.148.725**
26	HL-01433	Bùi Ngọc Bá	KT3-KC	240.909.237	21.900.840	262.810.077	14.000.000	5.700.000	**23.542.506**
27	HL-01437	Nguyễn Quang Hùng	KT3-KC	225.330.193	20.484.563	245.814.756	14.000.000	13.850.000	**22.805.396**
28	HL-01444	Nguyễn Công Tứ	KT3-KC	243.528.106	22.138.919	265.667.025	13.500.000	5.400.000	**23.713.919**
29	HL-01446	Bùi Văn Phất	KT3-KC	166.508.518	15.137.138	181.645.656	14.000.000	4.200.000	**16.653.805**
30	HL-01452	Phạm Văn Tưởng	KT3-KC	280.826.872	25.529.716	306.356.588	14.000.000	17.731.768	**28.174.030**
31	HL-01461	Ôn Vi Hiền	KT3-KC	171.339.054	15.576.278	186.915.332	14.000.000	4.900.000	**17.151.278**
32	HL-01462	Nguyễn Sỹ Thơ	KT3-KC	190.506.282	17.318.753	207.825.035	14.000.000	5.500.000	**18.943.753**
33	HL-01463	Mạc Đình Cảnh	KT3-KC	259.765.506	23.615.046	283.380.552	14.000.000	6.000.000	**25.281.713**
34	HL-01465	Nguyễn Văn Vương	KT3-KC	248.014.912	22.546.810	270.561.722	14.000.000	9.700.000	**24.521.810**
35	HL-01469	Nguyễn Văn Hay	KT3-KC	277.510.592	25.228.236	302.738.828	14.000.000	6.600.000	**26.944.902**
36	HL-01476	Vũ Hữu Cảnh	KT3-KC	192.292.889	17.481.172	209.774.061	13.500.000	5.000.000	**19.022.838**

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2019 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
37	HL-01569	Trần Văn Nhật	KT3-KC	99.827.036	9.075.185	108.902.221	12.000.000	-	**10.075.185**
38	HL-01570	Cù Quốc Sơn	KT3-KC	227.093.622	20.644.875	247.738.497	14.000.000	4.000.000	**22.144.875**
39	HL-01605	Nguyễn Văn Hiền	KT3-KC	180.408.250	16.400.750	196.809.000	14.000.000	3.700.000	**17.875.750**
40	HL-01672	Bùi Quang Tân	KT3-KC	238.922.059	21.720.187	260.642.246	14.000.000	4.700.000	**23.278.521**
41	HL-01673	Lê Văn Quang	KT3-KC	163.890.919	14.899.174	178.790.093	14.000.000	5.100.000	**16.490.841**
42	HL-01676	Cao Văn Dương	KT3-KC	201.560.590	18.323.690	219.884.280	14.000.000	2.800.000	**19.723.690**
43	HL-01718	Nguyễn Trọng Lâm	KT3-KC	209.837.845	19.076.168	228.914.013	14.000.000	3.500.000	**20.534.501**
44	HL-01720	Phạm Đăng Dưỡng	KT3-KC	241.274.329	21.934.030	263.208.359	14.000.000	3.900.000	**23.425.697**
45	HL-01721	Nguyễn Văn Sự	KT3-KC	251.857.672	22.896.152	274.753.824	14.000.000	12.200.000	**25.079.485**
46	HL-01734	Bùi Hồng Quang	KT3-KC	224.722.548	20.429.323	245.151.871	13.500.000	5.200.000	**21.987.656**
47	HL-01762	Nguyễn Tuấn Anh	KT3-KC	240.148.625	21.831.693	261.980.318	14.000.000	11.288.090	**23.939.034**
48	HL-02053	Trần Xuân Hùng	KT3-KC	236.930.443	21.539.131	258.469.574	14.000.000	28.300.000	**25.064.131**
49	HL-02113	Trần Anh Hạnh	KT3-KC	219.891.033	19.990.094	239.881.127	14.000.000	5.365.002	**21.603.844**
50	HL-02689	Nguyễn Xuân Tĩnh	KT3-KC	236.649.504	21.513.591	258.163.095	14.000.000	5.100.000	**23.105.258**
51	HL-02886	Đặng Quốc Tuấn	KT3-KC	188.591.777	17.144.707	205.736.484	14.000.000	5.500.000	**18.769.707**
52	HL-03176	Vũ Hữu Nghị	KT3-KC	245.605.744	22.327.795	267.933.539	13.500.000	3.871.324	**23.775.405**
53	HL-03314	Đỗ Văn Bảo	KT3-KC	199.903.532	18.173.048	218.076.580	14.000.000	2.700.000	**19.564.715**
54	HL-03326	Nguyễn Trọng Phi	KT3-KC	172.276.815	15.661.529	187.938.344	14.000.000	2.500.000	**17.036.529**
55	HL-03508	Vũ Văn Đội	KT3-KC	257.960.054	23.450.914	281.410.968	14.000.000	5.090.884	**25.041.821**
56	HL-03555	Phạm Hồng Hiệp	KT3-KC	169.453.775	15.404.889	184.858.664	13.500.000	3.200.000	**16.796.555**
57	HL-04022	Nguyễn Văn Thiêm	KT3-KC	288.956.900	26.268.809	315.225.709	14.000.000	20.700.000	**29.160.476**
58	HL-04134	Nguyễn Văn Khoa	KT3-KC	255.177.447	23.197.950	278.375.397	14.000.000	35.700.000	**27.339.616**
59	HL-04268	Nguyễn Văn Duyên	KT3-KC	213.744.815	19.431.347	233.176.162	14.000.000	18.116.766	**22.107.744**
60	HL-04363	Vi Văn Luân	KT3-KC	198.352.258	18.032.023	216.384.281	13.500.000	5.600.000	**19.623.690**
61	HL-04542	Bùi Văn Chương	KT3-KC	185.314.299	16.846.754	202.161.053	14.000.000	3.000.000	**18.263.421**
62	HL-04613	Vũ Văn Phái	KT3-KC	258.772.339	23.524.758	282.297.097	14.000.000	36.900.000	**27.766.425**
63	HL-04616	Đặng Thị Thúy Huyền	KT3-KC	128.201.821	11.654.711	139.856.532	13.000.000	11.845.000	**13.725.128**
64	HL-04636	Nguyễn Viết Vượng	KT3-KC	255.691.545	23.244.686	278.936.231	14.000.000	30.185.295	**26.926.794**
65	HL-04724	Phạm Quốc Đạt	KT3-KC	289.325.776	26.302.343	315.628.119	14.000.000	105.900.000	**36.294.010**
66	HL-04758	Tô Hằng Phương	KT3-KC	240.314.608	21.846.783	262.161.391	14.000.000	14.577.944	**24.228.278**
67	HL-04813	Hoàng Thế Vinh	KT3-KC	216.233.302	19.657.573	235.890.875	14.000.000	5.973.385	**21.322.022**
68	HL-04883	Lại Văn Đức	KT3-KC	231.041.249	21.003.750	252.044.999	14.000.000	5.881.769	**22.660.564**
69	HL-04950	Nguyễn Văn Kiểm	KT3-KC	177.269.487	16.115.408	193.384.895	13.500.000	8.900.000	**17.982.075**
70	HL-05043	Hoàng Văn Bình	KT3-KC	233.083.974	21.189.452	254.273.426	14.000.000	4.200.000	**22.706.119**
71	HL-05155	Chấu Văn Chuyên	KT3-KC	137.433.490	12.493.954	149.927.444	14.000.000	4.850.000	**14.064.787**
72	HL-05233	Phạm Văn Tuấn	KT3-KC	50.353.528	4.577.593	54.931.121	1.500.000	800.000	**4.769.260**
73	HL-05239	Phan Văn Anh	KT3-KC	203.190.237	18.471.840	221.662.077	14.000.000	3.700.000	**19.946.840**
74	HL-05302	Trần Văn Việt	KT3-KC	200.260.344	18.205.486	218.465.830	14.000.000	4.700.000	**19.763.819**
75	HL-05307	Trần Quang Tiền	KT3-KC	266.010.309	24.182.755	290.193.064	14.000.000	37.527.887	**28.476.746**

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2019 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
76	HL-05331	Vũ Đức Thiện	KT3-KC	197.631.811	17.966.528	215.598.339	14.000.000	3.600.000	**19.433.195**
77	HL-05365	Phạm Văn Dũng	KT3-KC	891.058	81.005	972.063	1.000.000	-	**164.339**
78	HL-05383	Vũ Văn Học	KT3-KC	249.318.759	22.665.342	271.984.101	14.000.000	10.300.000	**24.690.342**
79	HL-05392	Bùi Văn Hà	KT3-KC	272.516.761	24.774.251	297.291.012	14.000.000	9.916.766	**26.767.315**
80	HL-05394	Trần Văn Hảo	KT3-KC	53.187.771	4.835.252	58.023.023	1.500.000	500.000	**5.001.919**
81	HL-05438	Trần Văn Thái	KT3-KC	224.539.760	20.412.705	244.952.465	14.000.000	5.000.000	**21.996.039**
82	HL-05448	Lý A Su	KT3-KC	196.850.964	17.895.542	214.746.506	13.500.000	4.650.000	**19.408.042**
83	HL-05508	Nguyễn Duy Nghĩa	KT3-KC	238.227.505	21.657.046	259.884.551	14.000.000	3.500.000	**23.115.379**
84	HL-05564	Trần Văn Hòa	KT3-KC	229.608.180	20.873.471	250.481.651	14.000.000	4.500.000	**22.415.138**
85	HL-05580	Trần Văn Tư	KT3-KC	218.443.267	19.858.479	238.301.746	14.000.000	4.300.000	**21.383.479**
86	HL-05587	Đỗ Đức Hải	KT3-KC	192.868.484	17.533.499	210.401.983	14.000.000	4.800.000	**19.100.165**
87	HL-05598	Phạm Văn Cương	KT3-KC	86.389.866	7.853.624	94.243.490	2.000.000	800.000	**8.086.958**
88	HL-05611	Nguyễn Văn Cao	KT3-KC	198.309.345	18.028.122	216.337.467	14.000.000	9.600.000	**19.994.789**
89	HL-05613	Phạm Minh Cường	KT3-KC	182.427.913	16.584.356	199.012.269	14.000.000	2.300.000	**17.942.689**
90	HL-05635	Nguyễn Ngọc Quý	KT3-KC	235.601.524	21.418.320	257.019.844	14.000.000	5.400.000	**23.034.987**
91	HL-05702	Lê Bá Lâm	KT3-KC	201.275.066	18.297.733	219.572.799	13.500.000	4.500.000	**19.797.733**
92	HL-05703	Vũ Đức Huân	KT3-KC	270.059.119	24.550.829	294.609.948	14.000.000	19.689.121	**27.358.256**
93	HL-05838	Trần Tiến Đức	KT3-KC	169.356.181	15.396.016	184.752.197	14.000.000	3.000.000	**16.812.683**
94	HL-05867	Hán Xuân Trường	KT3-KC	243.018.747	22.092.613	265.111.360	14.000.000	2.500.000	**23.467.613**
95	HL-05878	Thò Mí Lử	KT3-KC	209.565.978	19.051.453	228.617.431	14.000.000	2.600.000	**20.434.786**
96	HL-05885	Hoàng Văn Tem	KT3-KC	219.681.796	19.971.072	239.652.868	13.500.000	3.500.000	**21.387.739**
97	HL-05887	Sùng Mí Dơ	KT3-KC	217.916.577	19.810.598	237.727.175	13.500.000	4.000.000	**21.268.931**
98	HL-05922	Nguyễn Văn Phong	KT3-KC	131.038.680	11.912.607	142.951.287	14.000.000	2.500.000	**13.287.607**
99	HL-05944	Cao Văn Trinh	KT3-KC	234.527.130	21.320.648	255.847.778	14.000.000	5.500.000	**22.945.648**
100	HL-05984	Hán Văn Tuyên	KT3-KC	226.752.157	20.613.832	247.365.989	14.000.000	3.000.000	**22.030.499**
101	HL-06007	Nguyễn Văn Bắc	KT3-KC	234.981.487	21.361.953	256.343.440	14.000.000	4.300.000	**22.886.953**
102	HL-06009	Bùi Văn Đạt	KT3-KC	181.413.093	16.492.099	197.905.192	14.000.000	4.200.000	**18.008.766**
103	HL-06052	Vi Văn Luân	KT3-KC	248.825.351	22.620.486	271.445.837	14.000.000	7.050.000	**24.374.653**
104	HL-06151	Trắng Văn Cường	KT3-KC	144.364.516	13.124.047	157.488.563	2.000.000	1.100.000	**13.382.380**
105	HL-06180	Nguyễn Văn Dũng	KT3-KC	208.433.825	18.948.530	227.382.355	14.000.000	4.500.000	**20.490.196**
106	HL-06206	Nguyễn Đức Đăng	KT3-KC	192.111.891	17.464.717	209.576.608	14.000.000	3.200.000	**18.898.051**
107	HL-06273	Đỗ Văn Chỉnh	KT3-KC	249.295.622	22.663.238	271.958.860	14.000.000	6.600.000	**24.379.905**
108	HL-06326	Trương Văn Cường	KT3-KC	216.826.005	19.711.455	236.537.460	14.000.000	3.000.000	**21.128.122**
109	HL-06331	Đinh Văn Trung	KT3-KC	221.044.671	20.094.970	241.139.641	14.000.000	4.200.000	**21.611.637**
110	HL-06485	Lý Văn Chựng	KT3-KC	237.345.026	21.576.821	258.921.847	14.000.000	9.000.000	**23.493.487**
111	HL-06512	Hoàng Hải Dương	KT3-KC	163.175.210	14.834.110	178.009.320	13.500.000	2.500.000	**16.167.443**
112	HL-06525	Phạm Văn Quân	KT3-KC	226.552.953	20.595.723	247.148.676	13.500.000	2.800.000	**21.954.056**
113	HL-06526	Đinh Văn Dương	KT3-KC	2.174.643	197.695	2.372.338	1.000.000	-	**281.028**
114	HL-06565	Trần Văn Nghĩa	KT3-KC	168.318.560	15.301.687	183.620.247	12.000.000	4.500.000	**16.676.687**

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2019 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
115	HL-06582	Vũ Văn Thông	KT3-KC	263.904.923	23.991.357	287.896.280	14.000.000	3.700.000	**25.466.357**
116	HL-06605	Đỗ Mạnh Phương	KT3-KC	231.844.293	21.076.754	252.921.047	14.000.000	13.700.000	**23.385.087**
117	HL-06659	Phạm Văn Điệp	KT3-KC	262.264.769	23.842.252	286.107.021	14.000.000	3.300.000	**25.283.918**
118	HL-06674	Trần Văn Quang	KT3-KC	177.227.014	16.111.547	193.338.561	13.500.000	2.600.000	**17.453.213**
119	HL-06743	Vũ Văn Hậu	KT3-KC	179.265.200	16.296.836	195.562.036	10.000.000	500.000	**17.171.836**
120	HL-06744	Nguyễn Văn Tâm	KT3-KC	171.327.447	15.575.222	186.902.669	10.500.000	1.600.000	**16.583.556**
121	HL-06778	Vừ Mí Sử	KT3-KC	80.231.821	7.293.802	87.525.623	5.500.000	1.000.000	**7.835.469**
122	HL-06793	Nguyễn Văn Kiên	KT3-KC	156.033.119	14.184.829	170.217.948	4.500.000	2.300.000	**14.751.496**
123	HL-06798	Trần Thế Anh	KT3-KC	190.927.697	17.357.063	208.284.760	5.000.000	1.000.000	**17.857.063**
124	HL-06824	Phan Văn Huyện	KT3-KC	149.361.123	13.578.284	162.939.407	5.000.000	900.000	**14.069.951**
125	HL-06846	Trần Văn Long	KT3-KC	159.865.392	14.533.217	174.398.609	4.300.000	1.000.000	**14.974.884**
126	HL-06874	Bùi Văn Tiên	KT3-KC	167.321.179	15.211.016	182.532.195	2.800.000	1.500.000	**15.569.350**
127	HL-06896	Bùi Duy Thương	KT3-KC	153.126.809	13.920.619	167.047.428	2.800.000	500.000	**14.195.619**
128	HL-06939	Giàng A Chư	KT3-KC	129.809.744	11.800.886	141.610.630	2.600.000	500.000	**12.059.219**
129	HL-06945	Trần Văn Chinh	KT3-KC	102.576.475	9.325.134	111.901.609	2.600.000	1.500.000	**9.666.801**
130	HL-06947	Trần Văn Vinh	KT3-KC	125.798.273	11.436.207	137.234.480	2.600.000	500.000	**11.694.540**
131	HL-06957	Lành Văn Hùng	KT3-KC	116.880.803	10.625.528	127.506.331	2.600.000	1.000.000	**10.925.528**
132	HL-07023	Cao Văn Vũ	KT3-KC	102.324.121	9.302.193	111.626.314	1.800.000	500.000	**9.493.859**
133	HL-07024	Nguyễn Văn Hinh	KT3-KC	82.134.043	7.466.731	89.600.774	1.800.000	500.000	**7.658.398**
134	HL-07025	Trần Văn Hiền	KT3-KC	96.307.083	8.755.189	105.062.272	1.800.000	1.000.000	**8.988.523**
135	HL-07034	Vàng A Anh	KT3-KC	77.959.236	7.087.203	85.046.439	1.800.000	500.000	**7.278.870**
136	HL-07035	Đinh Xuân Hào	KT3-KC	96.887.824	8.807.984	105.695.808	1.800.000	500.000	**8.999.651**
137	HL-07036	Bùi Văn Hảo	KT3-KC	100.345.381	9.122.307	109.467.688	1.800.000	500.000	**9.313.974**
138	HL-07037	Bùi Văn Hân	KT3-KC	99.171.848	9.015.623	108.187.471	1.800.000	500.000	**9.207.289**
139	HL-07045	Lê Nhật Quang	KT3-KC	42.122.817	3.829.347	45.952.164	1.800.000	500.000	**4.021.014**
140	HS19-387	Dương Văn Khương	KT3-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
141	TV19-338	Vi Văn Hiệp	KT3-KC	29.954.303	2.723.118	32.677.421	800.000	200.000	**2.806.452**
142	TV19-348	Vũ Văn Cường	KT3-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
143	TV19-396	Nguyễn Chí Thanh	KT3-KC	7.090.532	644.594	7.735.126	800.000	200.000	**727.927**
144	TV19-400	Nghinh Văn Nhật	KT3-KC	10.099.437	918.131	11.017.568	800.000	200.000	**1.001.464**
		Cộng		**27.204.024.483**	**2.473.093.135**	**29.677.117.618**	**1.640.600.000**	**979.049.390**	**2.691.397.251**